

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HS-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tuấn

2. Bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn S, sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 (đã chết); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1993; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2018 đến ngày 23/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại (Có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

**** Người làm chứng:***

- Ông Hoàng Duy Đ, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 30 ngày 20/12/2018 tại khu vực ngã ba đường Lê Lợi vào thôn R, xã D, thành phố B, Đội 2- Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Nguyễn Văn S, sinh năm 1989, trú tại thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hành vi buôn bán hàng cấm (nghỉ là pháo nổ). Vật chứng thu giữ: 01 bao tơ rứa màu trắng bên trong đựng 05 khối hình hộp vỏ ngoài bọc giấy màu, một cạnh của mỗi khối hộp có gắn dây dẫn màu xanh, bên trong mỗi khối hộp có 36 ống hình trụ nghỉ là pháo nổ. Ngoài ra còn tạm giữ của S 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu vàng BKS 98E1-434.77.

Vật chứng thu giữ được nghỉ là pháo nổ, Đội 2- Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Bắc Giang đã cho vào 01 thùng cát tông, niêm phong và bàn giao đối tượng cùng toàn bộ vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 21/12/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn S nhưng không thu giữ được gì liên quan đến hành vi phạm tội. Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Viện khoa học hình sự - Bộ Công an để giám định vật chứng thu giữ được nghỉ là pháo. Tại Kết luận giám định số 7207/C09-P2 ngày 21/12/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ), khối lượng là 07 kg.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S khai nhận như sau: Khoảng tháng 01/2018 S đi xe khách từ thành phố B lên cửa khẩu Hữu Nghị, thành phố L chơi. Tại đây, S có gặp một người đàn ông khoảng 45 tuổi tên là B ở chợ Đ, qua trao đổi nói chuyện S có hỏi mua của người đàn ông này 05 giàn pháo (loại 36 quả/1 giàn) với giá 250.000 đồng/ giàn. S đưa cho người đàn ông số tiền 1.250.000 đồng rồi bắt xe khách về nhà cất giấu pháo. Buổi sáng ngày 20/12/2018 có một người không quen biết nhắn tin vào tài khoản Zalo của S hỏi mua pháo, S đồng ý bán 05 giàn pháo với giá 400.000 đồng/ giàn. Hai bên thống nhất và hẹn nhau khoảng 23h30 phút ngày 20/12/2018 ở ngã ba đường L vào thôn R, xã D, thành phố B để giao dịch. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày S lấy 05 giàn pháo đã cất giấu từ trước cho vào bao tơ rứa rồi đặt ở chỗ để chân xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS màu vàng 98E1-434.77 đi đến chỗ hẹn. Khi đến nơi, S thấy một nam thanh niên đang đứng chờ ở đó, S xách bao tơ rứa đựng pháo đi về phía người này. Khi hai bên đang trao đổi giao dịch mua bán pháo thì bị Đội 2- Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên, người mua pháo đã bỏ chạy.

Đối với người đàn ông tên B đã bán pháo nổ cho S, S khai không biết tên tuổi và địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với nam thanh niên đặt mua pháo của S, S khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người này. Sau khi trao đổi giao dịch mua bán pháo xong, S đã xóa toàn bộ nội dung tin nhắn cũng như tài khoản Zalo của người này. Hiện nay, S không nhớ thông tin tài khoản Zalo và số điện thoại của người mua pháo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu vàng BKS 98E1-434.77. Qua điều tra xác định chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động trên là của chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993 (là vợ của S) ở thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cho S mượn, không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 13/01/2019 Cơ Quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định trả lại chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động trên cho chị Hồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên.

Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Nguyễn Văn S về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã khai nhận rõ hành vi như cáo trạng đã nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị H, người làm chứng là ông Hoàng Duy Đ và ông Nguyễn Đình C vắng mặt nhưng đều có lời khai như nêu ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- 1, Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Buôn bán hàng cấm”
 - 2, Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.
 - Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã D, thành phố B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.
 - Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho chị cáo.
 - 3, Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.
 - Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng cát tông có chứa pháo được hoàn lại sau giám định.
 - 4, Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.
- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của Viện khoa học hình sự-Bộ Công an, đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 23 giờ 30 ngày 20/12/2018 tại khu vực ngã ba đường Lê Lợi vào thôn R, xã D, thành phố B, Đội 2- Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Nguyễn Văn S có hành vi buôn bán hàng cấm là pháo nổ có tổng khối lượng là 07 kg. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo điểm, khoản và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, tàng trữ, vận chuyển pháo; gây mất trật tự trị an tại địa phương; đe dọa tính mạng, sức khỏe của người khác. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người có thành tích trong lao động sản xuất được tặng giấy khen nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

như trên; bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo đã mất, vợ bị cáo bị tai nạn giao thông bị chấn thương sọ não vẫn phải điều trị tại bệnh viện. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội, cho bị cáo hưởng án treo thì bị cáo cũng có thể tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án: 01 thùng cát tông có chứa pháo được hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Các vấn đề khác:

- Đối với thanh niên do bị cáo khai là người hỏi mua pháo nhưng bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể ở đâu nên không có cơ sở để điều tra xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với người đàn ông tên B đã bán pháo nổ cho S, do S không biết tên tuổi và địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý nên không đặt ra xem xét.

- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu vàng BKS 98E1-434.77. Qua điều tra xác định chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động trên là của chị Hoàng Thị H (là vợ của S) cho S mượn, không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ Quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định trả lại chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động trên cho chị H nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

1, Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

2, Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 năm 02 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo

cho UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho chị cáo.
- Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

3, Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 thùng cát tông có chứa pháo được hoàn lại sau giám định

4, Về án phí, quyền kháng cáo: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Mạnh Thắng